

Số: **195** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **27** tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020
của huyện Ba Tơ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 14/11/2018 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Ba Tơ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ tại Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 17/02/2020 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 849/TTr-STNMT ngày 18/3/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Ba Tơ, với các nội dung sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch (*chi tiết Biểu 01 kèm theo*).

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2020 (*chi tiết Biểu 02 kèm theo*).
3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 (*chi tiết Biểu 03 kèm theo*).
4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2020 (*chi tiết Biểu 04 kèm theo*).
5. Danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp.
 - a) Tổng danh mục các công trình dự án thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất 2020 là 52 công trình, dự án với tổng diện tích là 154,64 ha. Trong đó:
 - Có 51 công trình, dự án phải thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, với tổng diện tích 149,66 ha, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 28/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 (*Chi tiết tại Phụ biểu 01 kèm theo*).
 - Có 01 công trình, dự án không thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, với diện tích 4,98 (*Chi tiết tại Phụ biểu 02 kèm theo*).
 - b) Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp:

Có 14 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa sang đất phi nông nghiệp thuộc khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai 2013 với diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất lúa 2,52 ha, đất rừng phòng hộ 1,99 ha, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 28/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 (*Có Phụ biểu 03 kèm theo*).
6. Danh mục công trình, dự án tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất năm 2020.

Trong năm 2020, UBND huyện Ba Tư đăng ký tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất với tổng 02 công trình, dự án (*Có Phụ biểu 04 kèm theo*).
7. Danh mục các công trình, dự án loại bỏ không tiếp tục thực hiện trong năm 2020 (*Chi tiết tại Phụ biểu 05 kèm theo*).
8. Danh mục các công trình, dự án tiếp tục thực hiện trong năm 2020 (*Chi tiết tại Phụ biểu 06 kèm theo*).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Ba Tư chịu trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

3. Đối với các dự án có sử dụng đất trồng lúa, UBND huyện Ba Tơ xác định để quy định từng vị trí đất nông nghiệp cụ thể theo bảng giá các loại đất hiện hành của UBND tỉnh, làm cơ sở để Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển thông tin cho Sở Tài chính xác định số tiền phải nộp theo quy định tại Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND tỉnh.

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; trường hợp có phát sinh mới công trình, dự án trong năm kế hoạch sử dụng đất đề xuất UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để được điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PVP(NL), CN-XD
VH-XH, KH-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (lnphong99)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tăng Bính



DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT TRONG NĂM KẾ HOẠCH
 QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị tính: ha

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																				Đơn vị tính: ha	
				Thị trấn Ba Tơ	Ba Đình	Ba Hương	Ba Nghĩa	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Ngọc	Ba Khâm	Ba Cung	Ba Chùa	Ba Tiêu	Ba Trưng	Ba Tô	Ba Bích	Ba Vi	Ba Lễ	Ba Nam	Ba Xã		
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(...)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)		
	Tổng diện tích tự nhiên		113.796,99	2.281,54	4.290,37	7.448,08	4.698,18	1.479,65	3.565,34	5.378,74	4.125,91	4.224,48	5.174,28	3.015,72	1.673,35	4.664,34	14.773,00	5.919,05	5.873,95	4.255,10	9.512,28	12.023,19	10.275,03		
1	Đất nông nghiệp	NNP	108.766,95	2.012,12	4.290,37	7.448,08	4.698,18	1.449,79	3.374,17	5.304,26	3.720,72	3.967,12	5.112,55	2.817,94	1.587,80	3.883,93	14.413,25	5.626,68	5.616,82	3.959,43	9.209,97	11.585,79	9.952,44		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.903,71	149,40	193,84	465,85	203,06	129,69	281,07	86,91	72,66	273,56	75,56	169,89	129,03	169,74	166,97	468,93	210,32	277,91	79,55	32,67	273,08		
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	3.621,78	70,81	179,99	459,82	158,18	122,64	263,26	80,37	72,66	268,18	75,56	119,00	103,47	166,35	166,97	465,88	210,32	265,91	79,55	32,67	260,39		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HMK	1.959,18	100,77	31,76	96,28	75,27	137,94	195,09	19,26	45,73	231,60	16,49	70,62	54,76	155,67	34,95	293,34	49,62	185,45	20,84	22,55	121,17		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5.332,26	113,88	127,15	326,37	302,77	159,77	563,79	47,80	229,18	315,05	164,85	167,11	17,57	660,21	518,95	130,00	420,64	726,07	66,36	122,49	352,19		
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	37.933,32	940,00	1.395,57	2.223,41	473,80	78,23	60,29	2.399,44	2.976,48	2.094,43	1.778,01	206,04	642,48	1.343,26	6.434,32	928,99	1.124,10	1.144,54	2.164,93	3.198,91	6.127,12		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																							
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	59.424,43	706,44	2.341,07	3.607,97	3.391,95	735,67	2.272,94	2.756,69	396,67	1.052,38	3.077,61	2.202,17	743,92	1.474,85	7.258,06	3.802,70	3.811,96	1.625,40	6.878,17	8.209,14	3.078,67		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	5,56	1,91		0,96	1,23	0,30	0,44	0,40	0,16		0,10	0,03		0,04	0,20		0,21	0,18	0,06	0,03	0,21		
1.8	Đất làm muối	LMU																							
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	8,55	0,62					2,64	0,59				2,11				2,49			0,10				
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.828,29	235,53	106,69	279,67	172,91	202,10	167,83	68,03	403,80	198,11	68,57	178,19	70,25	147,37	334,60	233,60	230,56	178,51	283,84	68,58	217,55		
2.1	Đất quốc phòng	QOP	9,78	6,98						2,79							0,01								
2.2	Đất an ninh	CAN	1,22	0,97																0,25					
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																							
2.4	Đất khu chế xuất	SKT																							
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	5,26	1,80					3,46																
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	3,59	0,55				0,08	0,44			0,11													
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,60	0,03				2,49	0,08						0,60										
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS																1,36	0,07	0,38					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.466,66	83,03	38,04	76,30	127,58	66,71	34,86	13,54	353,85	46,72	27,19	50,60	14,33	43,55	222,88	83,71	37,44	52,84	31,37	14,20	47,92		
2.10	Đất di tích lịch sử - văn hóa	DDT	3,67	0,16		3,08	0,01	0,42																	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL																							
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,41	0,22				0,07																	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	469,86	43,87	16,72	36,93	23,32	31,85	34,45	13,36	12,18	27,93	13,47	20,08	15,67	30,19	19,97	49,01	23,63	39,50	14,62	6,95	40,03		
2.14	Đất ở tại đô thị	ODY	13,32	4,49																					
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,47	0,74		0,19	0,22	0,19	1,17	0,37	0,21	0,93	0,21	0,56	0,09	0,50	0,53	0,54	0,27	0,38	1,24	0,39	0,57		
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS																			0,73		0,25		
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																							
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON																							
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	180,27	10,23	4,03	6,95	3,56	8,50	16,64	3,63	0,93	18,41	1,42	8,14	6,88	15,05	2,00	33,12	2,52	17,56	7,15	2,08	16,47		
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	2,00					2,00																	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	7,12	0,41	0,10	0,63	0,17	0,42	0,27	0,06	0,39	0,37	0,12	0,56	0,34	0,17	1,13	0,67	0,30	0,50	0,09	0,11	0,31		
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí cộng đồng	DKV	0,37	0,37																					
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,15																						
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.613,04	81,14	47,61	155,56	15,82	84,57	78,37	37,23	35,24	104,47	17,81	97,71	32,14	57,87	88,08	55,35	166,22	70,39	230,22	44,67	112,57		
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	3,16	0,18		2,18								0,41	0,39										
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,47	0,36																					
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.201,75	33,89	45,27	44,60	72,68	35,81	23,34	6,45	1,39	59,25	1,16	19,59	15,30	113,04	25,15	68,77	26,57	117,16	18,47	368,83	195,04		
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN																							
5	Đất khu kinh tế*	KKT																							
6	Đất đô thị*	KDT	2.281,54	2.281,54																					

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên



PHƯƠNG HƯỚNG MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 CỦA HUYỆN BA TÔ
(Theo Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: ha

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
			Tổng	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông	Ba Đình	Ba Giang	Ba Liên	Ba Nghĩa	Ba Phước	Ba Thành	Ba Đông

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.



CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 CỦA HUYỆN BA TÔ
(Kèm theo Quyết định 195/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: ha

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																					
			(4)-(5)+...+(...)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	47,39	4,34	6,31	0,90	8,12	19,15	0,42		1,60		0,03	1,99	0,48	2,83	0,08	0,12	0,44	0,55		0,03		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	2,64	0,59	0,12	0,43	0,10	0,36	0,19		0,10		0,01	0,19	0,22	0,02	0,01	0,03	0,26			0,01		
	Trong đó: Đất chuyển trồng lúa nước	LUC/PNN	2,56	0,57	0,12	0,43	0,10	0,36	0,18		0,10		0,01	0,14	0,22	0,02	0,01	0,03	0,26			0,01		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	9,41	1,64	3,19	0,34	2,20	0,44	0,04		0,50		0,02	0,68	0,20		0,07	0,03	0,04			0,02		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	10,74	1,09	3,00	0,13	0,52	1,81	0,04		0,30			0,60	0,01	2,75		0,01	0,13	0,35				
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	1,99	0,92							0,40			0,47						0,20				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN																						
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	22,60	0,10			5,30	16,54	0,15		0,30			0,05	0,05	0,06		0,05						
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,01																0,01					
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN																						
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN																						
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp																							
	Trong đó:																							
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN																						
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP																						
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS																						
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU																						
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS																						
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU																						
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR ^(a)																						
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR ^(a)																						
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR ^(a)																						
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,01													0,01								

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

Phụ biểu 1

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2020 CỦA HUYỆN BA TÔ

(theo Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí, quy hoạch (tọa độ, số thửa số) hoặc hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (8) + (9) + (10) + (11) + (12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Đập Nước Cam	0,34	Xã Ba Bích	Tờ 2,4,8 BĐDC	Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh KH vốn đầu tư công trung hạn GPĐ 2016-2020 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi	400	400					
2	Đập Nước Đọt	0,31	Xã Ba Bích	Tờ 69,70 BĐDC	Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh KH vốn đầu tư công trung hạn GPĐ 2016-2020 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi	500	500					
3	Nhà văn hóa thôn Làng Mắm	0,05	xã Ba Bích	TĐĐ 8 thửa 729 BĐLN		-						
4	Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến	0,19	xã Ba Bích	Tờ 11 thửa 48 BĐDC		-						
5	Sân vận động xã Ba Chùa	0,42	Xã Ba Chùa	Tờ 23 BĐDC	Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ khởi công mới năm 2020 thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng	500	300	200				

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
6	Trường TH và THCS xã Ba Chùa: Hạng mục tường rào, cổng ngõ sân vườn	0,20	Xã Ba Chùa	Tờ 23 BĐĐC	Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của UBND huyện về việc giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương để thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2019	250	250					
7	Tường rào, cổng, sân thể thao, nhà văn hóa thôn Làng Giầy - Dốc Mốc 1	0,23	Xã Ba Cung	Tờ 12 thửa 86, 120 BĐ Vlap	Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ khởi công mới năm 2020 thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng	220	120	100				
8	Nhà văn hóa thôn Đồng Dấu - Kon Kua	0,05	Xã Ba Cung	Tờ 19 thửa 21 BĐ Vlap	Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ khởi công mới năm 2020 thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng	220	120	100				
9	Tường rào, sân thể thao, nhà văn hóa thôn Gò Rét - Ma Nghét	0,03	Xã Ba Cung	Tờ 31 thửa 329, 330, 35 BĐ Vlap	Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ khởi công mới năm 2020 thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng	200	100	100				
10	Tường rào, sân thể thao, nhà văn hóa thôn Gò Loa- Đồng Xoài	0,11	Xã Ba Cung	Tờ 29 thửa 104, 105 BĐ Vlap	Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ khởi công mới năm 2020 thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng	260	260					

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
11	Đập Kà La	0,40	xã Ba Dinh	Tờ 2, 3, 14 BĐDC	Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh KH vốn đầu tư công trung hạn GĐ 2016-2020 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi	600	600					
12	Trường TH&THCS Ba Điện: Hạng mục: 08 phòng học 02 tầng	0,19	xã Ba Điện	Tờ 17 BĐDC	Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của UBND huyện về việc giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương để thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2019	300	300					
13	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường 11/3	0,73	TTr Ba Tơ	Tờ 7, 11, 12 BĐDC	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Về việc phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách huyện năm 2019	300			300,00			
14	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trần Lương	0,24	TTr Ba Tơ	Tờ 6, 11 BĐDC	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Về việc phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách huyện năm 2019	100			100,00			
15	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường 30/10 (giai đoạn 2) và đường trục chính ven Hồ Tôn Dung	1,93	TTr Ba Tơ	Tờ 4, 12, 13, 18, 24, 25 BĐDC	Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của UBND huyện Ba Tơ v/v phê duyệt phân bổ và thu hồi tạm ứng nguồn vượt thu, kết dư ngân sách huyện năm 2018	800,00			800,00			
16	Đường Trần Quý Hai (giai đoạn 2)	1,04	TTr Ba Tơ	Tờ 2, 6, 7 BĐDC	Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của UBND huyện Ba Tơ v/v phê duyệt phân bổ và thu hồi tạm ứng nguồn vượt thu, kết dư ngân sách huyện năm 2018	500,00			500,00			

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
17	Kè sạt lở sông Liên, sông Tô (đợt 2, đoạn qua TT Tr Ba Tơ)	3,85	TT Tr Ba Tơ	Tờ 5, 10 BĐĐC	Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (đợt 2)	2.500,00		2.500,00				
18	Đường trung tâm cụm xã Ba Vinh	1,64	xã Ba Vinh	Tờ 47, 37,53 BĐĐC	Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh KH vốn đầu tư công trung hạn GPĐ 2016-2020 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi	3.500	3.500					
19	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Ba Động (giai đoạn 1+ giai đoạn2)	2,92	xã Ba Động, Ba Thành	Tờ 38,39, 45, 46 BĐĐC Ba Động, tờ 59,60,67,68 BĐĐC Ba Thành	Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của UBND huyện Ba Tơ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Ba Động (giai đoạn 1); Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của UBND huyện Ba Tơ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2019							
20	Nhà tập đa năng trường THPT Phạm Kiệt	0,12	xã Ba Vì	Tờ 28 thửa 98	Quyết định số 906a/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh KH vốn đầu tư công trung hạn GPĐ 2016-2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương.							
21	Điểm định canh, định cư tập trung Thôn Làng Trui	2,71	xã Ba Tiêu	bản đồ địa chính cơ sở 632557 và 635557, xã Ba Tiêu	Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai và giao kế hoạch vốn thực hiện chính sách định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số từ nguồn ngân sách Trung ương	1.400,00		1.400,00				

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
22	Nhà văn hóa thôn Kon Dóc	0,05	xã Ba Trang	Tờ 19 BĐĐC	Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ khởi công mới năm 2020 thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng							
23	Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013-2020	0,20	xã Ba Đình, xã Ba Cung, xã Ba Bích, xã Ba Trang, xã Ba Khâm, xã Ba Vinh, xã Ba Nam		Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013-2020	200	100	100,00				
24	Đường dây 220KV Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi	2,35	Các xã: Ba Tiêu, Ba Vì, Ba Tô, Ba Đình, Ba Chùa, Ba Cung, Ba Thành, Ba		Quyết định số 640/QĐ-NPT ngày 7/4/2009 của Tập đoàn điện lực Việt Nam về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường dây 220kv Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi							
25	Thủy điện Sông Liên 1	126,50	Xã Ba Cung, Ba Vinh, Ba Thành, Ba Động	tờ 7, 10 BĐLN; tờ 64-66,69,70 VLAP	Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Thủy điện Sông Liên 1	6.843,10					6.843,10	
26	Trường Mầm non Ba Động thôn Trường An	0,08	Xã Ba Động		Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND huyện Ba Tư về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Trường mầm non Ba Động							

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
27	Trường Mầm non Ba Thành: Điểm trường thôn Trường An	0,28	Xã Ba Thành		Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 27/5/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kinh phí thực hiện Đề án kiên cố hóa Trường, lớp học nhà công vụ giáo viên năm 2009							
28	Trường Mầm non Ba Thành: Điểm trường thôn Làng Tăng	0,13	Xã Ba Thành									
29	Trường Mầm non Ba Thành: Điểm trường Tổ Chùa Liêm, thôn Huy Ba II	0,05	Xã Ba Thành	tờ 8 thửa 196 BĐĐCLN	- Cv số 1537/UBND ngày 07/8/2014 của UBND huyện Ba Tư về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2014 thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2015. - QĐ số 1036/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Phổ cập giáo dục giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh Quảng							
30	Trường Mầm non Ba Thành: Điểm trường Tổ Gò Ôn, thôn Huy Ba I	0,04	Xã Ba Thành	tờ 30 thửa 209,210,248 VLAP	- Cv số 1537/UBND ngày 07/8/2014 của UBND huyện Ba Tư về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2014 thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2015. - QĐ số 1036/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Phổ cập giáo dục giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh Quảng							
31	Trường Mầm non Ba Thành: Điểm trường Tổ Huy Ba, thôn Huy Ba I	0,02	Xã Ba Thành									

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
32	Trường mầm non Ba Trang: Điểm trường Tổ Bùi Hui	0,06	Xã Ba Trang	tờ 75 thửa 60,61 VLAP	<p>- Cv số 1537/UBND ngày 07/8/2014 của UBND huyện Ba Tư về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2014 thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2015.</p> <p>- QĐ số 1036/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Phổ cập giáo dục giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh Quảng</p>							
33	Trường mầm non Ba Trang: Điểm trường Tổ Làng Leo	0,04	Xã Ba Trang	tờ 32 thửa 3 VLAP	<p>- Cv số 1537/UBND ngày 07/8/2014 của UBND huyện Ba Tư về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2014 thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2015.</p> <p>- QĐ số 1036/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Phổ cập giáo dục giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh Quảng</p>							
34	Trường mầm non Ba Trang: Điểm trung tâm Tổ Nước Tền	0,15	Xã Ba Trang									

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
35	Trường mầm non Ba Trang: Điểm trường Cây Muối	0,05	Xã Ba Trang	tờ 24 BDLN	- Cv số 1537/UBND ngày 07/8/2014 của UBND huyện Ba Tư về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2014 thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2015. - QĐ số 1036/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Phổ cập giáo dục giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh Quảng							
36	Trường mầm non Ba Trang: Điểm trường Nước Đang	0,04	Xã Ba Trang									
37	Trường mầm non Ba Nam thôn Làng Dút	0,06	Xã Ba Nam									
38	Trường mầm non Ba Nam thôn Làng Vờ	0,02	Xã Ba Nam	tờ 6 thửa 207 VLAP	- Cv số 1537/UBND ngày 07/8/2014 của UBND huyện Ba Tư về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2014 thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2015. - QĐ số 1036/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Phổ cập giáo dục giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh Quảng							


Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
39	Trường mầm non Ba Giang: Điểm trường trung tâm - thôn Nước Lồ	0,17	xã Ba Giang	tờ 48 Vlap	- Cv số 1537/UBND ngày 07/8/2014 của UBND huyện Ba Tư về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2014 thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2015. - QĐ số 1036/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Phổ cập giáo dục giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.						
40	Trường mầm non Ba Giang: Điểm trường thôn Gò Khôn	0,03	xã Ba Giang	tờ 13 thửa 26 BDLN	- Cv số 1537/UBND ngày 07/8/2014 của UBND huyện Ba Tư về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2014 thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2015. - QĐ số 1036/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Phổ cập giáo dục giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh Quảng						
41	Trường mầm non Ba Xã thôn Nước Như	0,22	Xã Ba Xã								

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
42	Trường mầm non Ba Xa: Điểm trường thôn Ba Ha	0,04	Xã Ba Xa	từ 14 Vlap	- Cv số 1537/UBND ngày 07/8/2014 của UBND huyện Ba Tơ về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2014 thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2015. - QĐ số 1036/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Phổ cập giáo dục giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.							
43	Trường mầm non Ba Xa: Điểm trường thôn Nước Lãng	0,04	Xã Ba Xa	từ 36 Vlap	- Cv số 1537/UBND ngày 07/8/2014 của UBND huyện Ba Tơ về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2014 thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2015. - QĐ số 1036/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Phổ cập giáo dục giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.							
44	Trường mầm non Ba Xa: Điểm trường thôn Nước Chạch	0,03	Xã Ba Xa	thửa 370 từ 67 Vlap	- Cv số 1537/UBND ngày 07/8/2014 của UBND huyện Ba Tơ về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2014 thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2015. - QĐ số 1036/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Phổ cập giáo dục giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.							

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
45	Trường mầm non Ba Xa: Điểm trường thôn Gòi Hre 2	0,09	Xã Ba Xa									
46	Trường mầm non Ba Xa: Điểm trường thôn Gòi Hre 1	0,02	Xã Ba Xa									
47	Trường tiểu học Ba Vĩ, thôn Giá Vực	0,16	Xã Ba Vĩ									
48	Trường PTDTBT TH&THCS Ba Trang: Điểm trường chính	0,9	Xã Ba Trang									
49	Trường PTDTBT TH&THCS Ba Trang: Điểm trường thôn Đèo Ai	0,01	Xã Ba Trang									
50	Trường PTDTBT TH&THCS Ba Trang: Điểm trường thôn Sa Lung	0,01	Xã Ba Trang									
51	Trường PTDTBT TH&THCS Ba Giang: Điểm trường Gò Khôn, thôn Gò Khôn	0,12	Xã Ba Giang									
Tổng cộng		149,66				19593,10	6550,00	4500,00	1700,00		6843,10	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THUỘC QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 62 CỦA LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	 Mức độ ảnh hưởng đến môi trường (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vắn	Ghi chú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(13)
1	Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ 24	4,98	xã Ba Liên, Ba Động, Ba Cung, Ba Thành, TTr Ba Tư	Quyết định số 1661/QĐ-BGTVT ngày 05/9/2019 của Bộ giao thông vận tải về việc Phê duyệt đầu tư Dự án cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc Lộ 24		
	Tổng cộng	4,98				

Phụ biểu 3

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2020 CỦA HUYỆN BA TƠ

(Kèm theo Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường 30/10 (giai đoạn 2) và đường trục chính ven Hồ Tôn Dung	1,93		0,92	TTr Ba Tơ	Tờ 4, 12, 13, 18, 24, 25 BĐDC	
2	Đường Trần Quý Hai (giai đoạn 2)	1,04	0,33		TTr Ba Tơ	Tờ 2, 6, 7 BĐDC	
3	Kè sạt lở sông Liên, sông Tô (đợt 2, đoạn qua TTr Ba Tơ)	3,85	0,16		TTr Ba Tơ	Tờ 5, 10 BĐDC	
4	Đường trung tâm cụm xã Ba Vinh	1,64	0,42		xã Ba Vinh	Tờ 47, 37, 53 BĐDC	


Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
5	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Ba Động (giai đoạn 1+ giai đoạn 2)	2,92	0,26		xã Ba Động, Ba Thành	Tờ 38,39, 45, 46 BĐ ĐC Ba Động, tờ 59,60,67,68 BĐĐC Ba Thành	
6	Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ 24	4,98	0,5		xã Ba Liên, Ba Động, Ba Cung, Ba Thành, TT Ba Tơ		
7	Sân vận động xã Ba Chùa	0,42	0,22		Xã Ba Chùa	Tờ 23 BĐĐC	
8	Tường rào, sân thể thao, nhà văn hóa thôn Gỏi Rét - Ma Nghit	0,03	0,02		Xã Ba Cung	Tờ 31 thửa 329, 330, 35 BĐ Vlap	
9	Tường rào, sân thể thao, nhà văn hóa thôn Gỏi Loa- Đồng Xoài	0,11	0,05		Xã Ba Cung	Tờ 29 thửa 104, 105 BĐ Vlap	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
10	Đập Nước Cam	0,34	0,1		Xã Ba Bích	Tờ 2,4,8 BĐĐC	
11	Đập Nước Đọt	0,31	0,15		Xã Ba Bích	Tờ 69,70 BĐĐC	
12	Đập Kà La	0,40	0,18		xã Ba Dinh	Tờ 2, 3, 14 BĐĐC	
13	Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi	0,20	0,07		xã Ba Dinh, xã Ba Cung, xã Ba Bích, xã Ba Trang, xã Ba Khâm, xã Ba Vinh, xã Ba Nam		
14	Đường dây 220KV Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi	2,35	0,06	1,07	Các xã: Ba Tiêu, Ba Vì, Ba Tô, Ba Dinh, Ba Chùa, Ba Cung, Ba Thành, Ba Động, Ba Liên		
	Tổng cộng	20,52	2,52	1,99			

Phụ biểu 4

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BA TƠ TRONG NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 129-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Tên công trình	Địa điểm	Số lô đất đầu giá (lô)	Tổng diện tích đất đầu giá (m2)	Dự kiến thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Đất ở xã Ba Động	tờ 29 thửa 247	1	539,5	2020	
2	Đất ở thị trấn Ba Tơ	tờ 12 thửa 104	1	319,6	2020	
	Tổng cộng			319,60		

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN NĂM 2017 KHÔNG THỰC HIỆN LOẠI BỎ TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Ghi chú
1	Điểm trường MN thôn Làng Mắm	0,06	xã Ba Bích	tờ 9 BĐLN	Quyết định 1781/QĐ-UBND ngày 26/11/2015 của huyện Ba Tơ về việc chỉ định đơn vị nhận thầu gói thầu số 02 - Giám sát kỹ thuật thi công xây dựng công trình hạng mục: Điểm trường mầm non thôn Làng Mắm	Công trình đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất 3 năm nhưng chưa thực hiện xong công tác thu hồi đất, giao đất
2	Nhà văn hóa thôn Nước Đang	0,08	xã Ba Bích	Thửa 342,343,346,347,348 tờ 7 (BĐĐCLN)	Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 8/4/2016 của UBND huyện Ba Tơ v/v giao kế hoạch vốn chương trình 135 theo QĐ số 551/QĐ-TTg cho các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, xa-thị trấn có thôn đặc biệt khó khăn từ nguồn ngân sách Trung ương năm 2016	Công trình đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất 3 năm nhưng chưa thực hiện xong công tác thu hồi đất, giao đất
3	Nhà văn hóa thôn Con Rã	0,07	xã Ba Bích	Thửa 52,56 tờ 14 (BĐ VLAP)	Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND huyện Ba Tơ v/v giao kế hoạch vốn ngân sách Trung ương và vốn trái phiếu Chính phủ để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016	Công trình đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất 3 năm nhưng chưa thực hiện xong công tác thu hồi đất, giao đất
4	Nhà văn hóa thôn Gò Loa - Đồng Xoài	0,05	xã Ba Cung	tờ 29 thửa 104, 105 Vlap	Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND huyện Ba Tơ v/v giao kế hoạch vốn ngân sách Trung ương và vốn trái phiếu Chính phủ để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016	Công trình đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất 3 năm nhưng chưa thực hiện xong công tác thu hồi đất, giao đất
5	Trạm trộn Bê tông Pha Đin - Ba Tơ	0,2	Xã Ba Cung	Tờ 2 BĐDC, thửa 204	Tờ trình số 18/TTr-UBND ngày 10/10/2016 về việc đề nghị bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2017	Công trình đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất 3 năm nhưng chưa thực hiện xong công tác thu hồi đất, giao đất
6	Nhà văn hóa thôn Làng Giấy - Dốc Mốc	0,07	xã Ba Cung	tờ 12 thửa 120 Vlap	Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND huyện Ba Tơ v/v giao kế hoạch vốn chương trình 135 theo QĐ số 551/QĐ-TTg cho các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, xa-thị trấn có thôn đặc biệt khó khăn từ nguồn ngân sách Trung ương năm 2016	Công trình đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất 3 năm nhưng chưa thực hiện xong công tác thu hồi đất, giao đất

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Ghi chú
7	Kiên cố hóa kênh Nước Lang	0,17	xã Ba Đình		Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 10/03/2016 của UBND huyện Ba Tơ v/v chỉ định đơn vị nhận thầu gói thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: KCH kênh Nước Lang	Công trình này xây dựng trên nền đất cũ
8	Nhà văn hóa thôn Vả Tía	0,05	xã Ba Lễ		Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND huyện Ba Tơ v/v giao kế hoạch vốn ngân sách Trung ương và vốn trái phiếu Chính phủ để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016	Công trình đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất 3 năm nhưng chưa thực hiện xong công tác thu hồi đất, giao đất
9	Nhà văn hóa xã Ba Liên	0,23	xã Ba Liên	Tờ 6 thửa 62 (BĐ VLAP)	Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND huyện Ba Tơ v/v giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách huyện năm 2016	Công trình này xây dựng trên nền đất cũ
10	Nhà văn hóa thôn Đèo Lâm	0,06	xã Ba Thành	Tờ 72 (BĐ VLAP)	Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND huyện Ba Tơ v/v giao kế hoạch vốn ngân sách Trung ương và vốn trái phiếu Chính phủ để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016	Công trình đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất 3 năm nhưng chưa thực hiện xong công tác thu hồi đất, giao đất
11	Kiên cố hóa kênh Rượng Ngom	0,11	xã Ba Tô		Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 07/03/2016 của UBND huyện Ba Tơ v/v phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng công trình: KCH kênh Rượng Ngom	Công trình này xây dựng trên nền đất cũ
12	Phù điêu di tích Đá Bàn	0,07	TTr Ba Tơ	Thửa 18,19,27,28 tờ 17 (BĐ VLAP)	Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND huyện Ba Tơ v/v giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách huyện năm 2016	Công trình đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất 3 năm nhưng chưa thực hiện xong công tác thu hồi đất, giao đất
13	Nhà văn hóa thôn Nước Xuyên	0,05	xã Ba Vi		Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND huyện Ba Tơ v/v giao kế hoạch vốn ngân sách Trung ương và vốn trái phiếu Chính phủ để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016	Công trình đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất 3 năm nhưng chưa thực hiện xong công tác thu hồi đất, giao đất
14	Kiên cố hóa kênh Mang Voang	0,17	xã Ba Vinh		Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 09/03/2016 của UBND huyện Ba Tơ v/v chỉ định đơn vị nhận thầu gói thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: KCH kênh Mang Voang	Công trình này xây dựng trên nền đất cũ
15	Đường BTXM từ đầu xóm tổ Đèo Lâm đến cuối xóm tổ Đèo Lâm	0,63	xã Ba Thành			Công trình này xây dựng trên nền đất cũ

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Ghi chú
16	Tuyến đường từ tổ 4 thôn Ba Nhà - Gò Lút	1,30	xã Ba Giang			Công trình này xây dựng trên nền đất cũ
17	Cầu BTCT UBND xã - Nước Lá	0,15	xã Ba Vinh			Công trình này xây dựng trên nền đất cũ
	Tổng cộng	3,52				

Phụ biểu 6

DANH SÁCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên Công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2020	GHI CHÚ
			Đã thu hồi (ha)	Chưa thu hồi (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Đường tránh lũ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (Ba Tư-Minh Long-Sơn Hà) Đoạn Km0+00-Km22+336)	xã Ba Động, Ba Thành, Ba Vinh, Ba Điện	31,40	25,28	6,12	Công trình đã có QĐ giao đất của UBND tỉnh trên địa bàn các xã Ba Động, Ba Thành, Ba Vinh, còn lại phần diện tích 6,12 ha cần thu hồi trên địa bàn xã Ba Điện đang thực hiện công tác kiểm kê, lập phương án bồi thường, GPMB để bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công khởi công vào cuối năm 2019 và dự kiến của Ban QLDA thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất trong năm 2020; đồng thời theo kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 thì có diện tích đất cần chuyển đổi mục đích từ đất rừng phòng hộ sang đất giao thông 0,63 ha. Tuy nhiên, qua triển khai thực tế thì trong phạm vi của dự án có thu hồi đất lúa và đất rừng sản xuất, không có đất rừng phòng hộ. Vì vậy, để đảm bảo diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng thì phải điều chỉnh diện tích trong kế hoạch sử dụng đất là từ đất rừng phòng hộ sang đất trồng lúa
			31,40	25,28	6,12	